TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
DNTU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Công nghệ Thông tin**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 20 (2024 - 2028)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
TH70102	Giới thiệu ngành CNTT	1	15	15	0
TH70103	Tin học đại cương	2	60	0	60
TA70301	Key English 1 (**)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 (**)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 (**)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community (**)	2	30	30	0
HỌC KỲ 2: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0

TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
CB70202	Toán Cao cấp	3	45	45	0
TH70104	Kiến trúc máy tính	2	45	15	30
TH70105	Cơ sở lập trình	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**2**			
PM71201	Đồ họa ứng dụng	2	60	0	60
TH71101	Hệ điều hành	2	45	15	30
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB71401	Giáo dục thể chất 1 - (Bơi lội) (*)	1	30	0	30
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TH70101	Toán rời rạc ứng dụng trong công nghệ thông tin	3	45	45	0
TH70106	Mạng máy tính	3	60	30	30
PM70202	Kỹ thuật lập trình	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 8)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**11**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70307	KN phòng tránh tai nạn công nghiệp	2	30	30	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (**)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (**)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (**)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (**)	2	60	0	60
CB71402	Giáo dục thể chất 2 (*)	1	30	0	30
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
PM70203	Cơ sở dữ liệu	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**8**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
TH71104	Định tuyến và chuyển mạch	3	60	30	30
TH71103	Nhập môn Khoa học dữ liệu	3	60	30	30
PM70204	Thiết kế Web	3	60	30	30
TH71122	Nhập môn nghiên cứu khoa học	3	45	45	0
HỌC KỲ 5: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0

CB71405	Giáo dục thể chất 3 (*)	1	30	0	30
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
TH70107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30
PM70205	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**3**			
TH71107	Thiết kế hệ thống mạng	3	60	30	30
PM71204	Lập trình Windows	3	60	30	30
HỌC KỲ 6: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 9)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**6**			
TH70108	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	30	30
TH70110	Trí tuệ nhân tạo	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**9**			
TH71106	Lập trình Web	3	60	30	30
TH71112	Quản trị hệ thống mạng	3	60	30	30
TH71109	Học máy (Machine Learning)	3	60	30	30
TH71115	An ninh mạng	3	60	30	30
TH71117	Công nghệ phần mềm	3	60	30	30
PM71206	Công nghệ .NET	3	60	30	30
HỌC KỲ 7: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 5, tự chọn: 11)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**5**			
TH70109	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	60	30	30
TH70111	Lập trình Mobile	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**11**			

TH71110	Học sâu (Deep Learning)	3	60	30	30
TH71111	Thị giác máy tính	3	60	30	30
TH71116	Chuyên đề công nghệ mạng	3	60	30	30
TH71113	Quản lý dự án CNTT	2	45	15	30
TH71108	Web API	3	60	30	30
TH71118	Công nghệ Blockchain	3	60	30	30
TH71114	Thương mại điện tử	3	60	30	30
PM70212	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	2	45	15	30
HỌC KỲ 8: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 8, tự chọn: 8)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**8**			
TH70112	Thực tập tốt nghiệp	8	30	30	0
70138	Giáo dục định hướng (**)	0	0	0	0
Học phần tự chọn		**8**			
TH71119	Khóa luận tốt nghiệp	8	30	30	0
TH71120	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	90	30	60
TH71121	Công nghệ IOT và ứng dụng	4	90	30	60